TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**158**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến -** Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983 *(Có mặt).*

ĐKHK: Tổ 4, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là phường H, Thành phố Hà Nội).

Nơi ở hiện nay: Số 2, ngõ 73, phố T1, tổ 4, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội).

- Bị đơn: Anh **Đặng Thái S,** sinh năm 1982 *(Vắng mặt).*

ĐKHK: Tổ 4, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là phường H, Thành phố Hà Nội).

Nơi ở hiện nay: Số 2, ngõ 73, phố T1, tổ 4, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Thái S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2009 tại

UBND xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã T3, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn với anh S chị và anh S chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị ở tại số 2, ngõ 73, phố T1, tổ 4, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). Quá trình anh chị chung sống với nhau liên tục xảy ra mâu thuẫn nhưng rồi vợ chồng lại cố gắng hàn gắn với nhau. Đến khoảng tháng 7 năm 2023, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn, từ đó anh chị sống ly thân đến nay, vợ chồng mỗi người ở một phòng và mỗi tầng khác nhau, không ai quan tâm đến ai, kinh tế và sinh hoạt độc lập với nhau, vợ chồng không quan hệ vợ chồng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Thời điểm đó, chị N đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, chị Nga rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, từ đó đến nay, vợ chồng vẫn không cải thiện được cuộc sống chung. Trước đây, chị N và anh S đã làm vi bằng về việc thỏa thuận khi ly hôn, chị N đã nộp bổ sung cho Tòa án vào ngày 27/3/2025.

Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh S có hai con chung là Đặng Ngân K, sinh ngày 11/01/2010 và Đặng Tuệ M, sinh ngày 05/5/2023. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tuệ M vì cháu Tuệ M còn nhỏ, còn anh S sẽ nuôi cháu Ngân K như trong văn bản thỏa thuận giữa anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác nhận chị và anh S tự thỏa thuận. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà đất chung: Chị N xác nhận chị và anh S tự thỏa thuận. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác nhận chị và anh S tự thỏa thuận. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình.

**** Bị đơn anh Đặng Thái S trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2009 tại UBND xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã T3, tỉnh Bắc Ninh). Đây là lần kết hôn thứ nhất, trước đó chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị ở tại số 2, ngõ 73, phố T1, tổ 4, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). Quá trình anh chị chung sống với nhau mọi việc bình thường như bao gia đình khác. Trong cuộc sống, anh chị chỉ phát sinh những mâu

thuẫn, tranh luận nhỏ. Từ tháng 7 năm 2023, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ những cạnh tranh và kích động bên ngoài do mâu thuẫn công việc nội bộ của anh S nên gây ra sự hiểu lầm. Sau đó, anh S tôn trọng mọi quyết định của chị N và im lặng, không giải thích gì vì anh S mong muốn gia đình được êm ấm để cùng nuôi con. Anh S mong muốn gia đình trở lại bình thường để hai vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc và nuôi dạy hai con chung thành đạt. Việc anh S ở tầng 1 là do mong muốn của chị N, còn chị N ở tầng 2 từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Đến nay, anh S xác định những mâu thuẫn giữa anh chị chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng vẫn có thể cải thiện được, tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn nên anh S không đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh S xác nhận anh và chị N có hai con chung là Đặng Ngân K, sinh ngày 11/01/2010 và Đặng Tuệ M, sinh ngày 05/5/2023. Anh S chưa đồng ý ly hôn chị N nên chưa có bất kỳ ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S chưa đồng ý ly hôn chị N nên chưa có bất kỳ ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nhà đất chung: Anh S chưa đồng ý ly hôn chị N nên chưa có bất kỳ ý kiến gì.

- Về nợ chung: Anh S chưa đồng ý ly hôn chị N nên chưa có bất kỳ ý kiến gì.

- Về án phí: Anh S chưa đồng ý ly hôn chị N nên chưa có bất kỳ ý kiến gì.

**** Tại phiên tòa hôm nay***

- Chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Thái S. Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh S có hai con chung là Đặng Ngân K, sinh ngày 11/01/2010 và Đặng Tuệ M, sinh ngày 05/5/2023. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tuệ M vì cháu Tuệ M còn nhỏ, còn anh S sẽ nuôi cháu Ngân K như trong Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa anh chị số 0706/2023/VBTT&CK ngày 06/7/2023 và đó cũng là nguyện vọng của cháu K xin được ở với anh S. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Đặng Thái S đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh S có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 16/7/2025 nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh S nhưng tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đặng Thái S là

hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Đặng Thái S. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Thái S.

Về con chung: Giao con chung là cháu Tuệ Minh cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là cháu Ngân K cho anh Đặng Thái S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N và anh S kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn đối với anh Đặng Thái S có nơi ở hiện nay tại số 2, ngõ 73, phố T1, tổ 4, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận

H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 16/7/2025, Tòa án đã niêm yết Quyết định xét xử đúng quy định của pháp luật đối với anh Đặng Thái S, anh S có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 08/8/2025, Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh S theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không có lý do; vì vậy HĐXX đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đặng Thái S.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Đặng Thái S trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2009 tại UBND xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã T3, tỉnh Bắc Ninh). Đây là lần kết hôn thứ nhất, trước đó chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị N trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Quá trình anh chị chung sống với nhau liên tục xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng tháng 7 năm 2023, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn, từ đó anh chị sống ly thân đến nay, vợ chồng mỗi người ở một phòng và mỗi tầng khác nhau, không ai quan tâm đến ai, kinh tế và sinh hoạt độc lập với nhau, vợ chồng không quan hệ vợ chồng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Thời điểm đó, chị N đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, chị N rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, từ đó đến nay, vợ chồng vẫn không cải thiện được cuộc sống chung. Bị đơn anh Đặng Thái S trình bày tại phiên hòa giải thứ nhất: Quá trình anh chị chung sống với nhau mọi việc bình thường như bao gia đình khác. Trong cuộc sống, anh chị chỉ phát sinh những mâu thuẫn, tranh luận nhỏ. Từ tháng 7 năm 2023, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ những cạnh tranh và kích động bên ngoài do mâu thuẫn công việc nội bộ của anh S nên gây ra sự hiểu lầm. Sau đó, anh S tôn trọng mọi quyết định của chị Nvà im lặng, không giải thích gì vì anh S mong muốn gia đình được êm ấm để cùng nuôi con. Anh S mong muốn gia đình trở lại bình thường để hai vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc và nuôi dạy hai con chung thành đạt. Việc anh S ở tầng 1 là do mong muốn của chị N, còn chị N ở tầng 2 từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Về phía anh S, anh S không muốn ly hôn vì anh cho rằng mối quan hệ vợ chồng vẫn chưa đến mức phải ly hôn và vẫn muốn gia đình đoàn tụ với nhau nhưng anh S không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Hơn nữa, anh S chỉ đến tham gia phiên hòa giải lần thứ nhất còn lại vắng mặt không có lý do tại các phiên hòa giải tiếp theo nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ anh S không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Thái S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị N xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đặng Thái S là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 2 con chung cháu Đặng Ngân K, sinh ngày 11/01/2010 và Đặng Tuệ M, sinh ngày 05/5/2023. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuệ M vì cháu Tuệ M còn nhỏ, còn anh S sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngân K và việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đặng Thái S do chưa đồng ý ly hôn chị N nên anh S chưa có ý kiến về con chung chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu Ngân K: Hiện nay, cháu Ngân K sức khỏe ổn định và đang sinh sống cùng với bố mẹ. Cháu Ngân K có đơn trình bày ý kiến được ở cùng với bố nếu bố mẹ ly hôn. Hơn nữa, tại Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa anh chị số 0706/2023/VBTT&CK ngày 06/7/2023 do chị N nộp cho Tòa án, chị N và anh S thỏa thuận cháu Ngân K sẽ sống với bố Đặng Thái S. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau ly hôn cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đặng Ngân K cho anh Đặng Thái S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu Tuệ M: Xét thấy, nguyện vọng chị N là chính đáng, con chung là cháu Tuệ M dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con chung phải được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Trong trường hợp này, chị N có đủ điều kiện để nuôi con

chung, việc giao cháu Tuệ M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với nội dung thỏa thuận của anh chị trong Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa anh chị số 0706/2023/VBTT&CK ngày 06/7/2023 do chị N nộp cho Tòa án. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đặng Tuệ M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị N và anh S có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Thái S.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Thái S có 02 con chung là cháu Đặng Ngân K, sinh ngày 11/01/2010 và Đặng Tuệ M, sinh ngày 05/5/2023. Giao con chung là cháu Đặng Ngân K cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Tuệ M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Thái S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N và anh S kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Thái S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Thái S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0034585 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội). Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Thái S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài